LỊCH SỬ VĂN HỌC NHẬT BẢN VÀ TÌNH HÌNH GIẢNG DẠY VĂN HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Hoàng Thu Trang*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học và văn hóa có mối quan hệ vô cùng chặt chẽ. Văn học là tấm gương phản chiếu văn hóa. Đối với việc giảng dạy văn hoá của bất cứ một ngôn ngữ nào thì việc giảng dạy văn học cũng luôn đóng một vai trò quan trọng. Việc giảng dạy ngôn ngữ và văn hoá Nhật Bản cũng không nằm trong ngoại lệ đó. Tuy nhiên, việc dạy văn học như thế nào để người học dễ tiếp cận và hiểu được mối liên hệ giữa văn học và văn hoá cũng như ngôn ngữ của một quốc gia đặt ra nhiều khó khăn cho người xây dựng chương trình cũng như thực hiện giảng dạy môn học này. Tại nghiên cứu này, chúng tôi đề cập tới hai vấn đề về nội dung giảng dạy văn học sử Nhật

* Trưởng Bộ môn Nhật Bản học, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bản và tình hình giảng dạy môn học tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và đề xuất cách tiếp cận môn học phù hợp với chương trình đào tạo.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vấn đề nghiên cứu

Là thành tố cơ bản của văn hóa, văn học Nhật Bản có vai trò vô cùng quan trọng trong việc phản ánh nền văn hóa dân tộc trên nhiều bình diện như phong tục tập quán, lễ hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tri thức dân gian, truyền thống văn hóa,… Thông qua tìm hiểu văn học, phần nào chúng ta cũng có thể lí giải về bối cảnh thời đại cũng như nhân sinh quan, thế giới quan của người Nhật trong mỗi giai đoạn trong lịch sử. Tại nghiên cứu này, trên cơ sở hệ thống khái quát lại nội dung chính của môn Văn học sử, nghiên cứu cũng phân tích tình hình dạy học văn học Nhật Bản tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, từ đó đưa ra đề xuất về cách tiếp cận môn học hiệu quả.

2.1.1. Bề dày và dấu ấn của văn học Nhật Bản

Văn học Nhật Bản ra đời từ rất sớm. Trước khi văn học viết phát triển ở thế kỉ VIII thì văn học truyền miệng cũng đã hình thành, đó là những bài ca dao, truyền thuyết, văn khấn được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Mặc dù chữ Hán du nhập vào Nhật Bản từ khoảng thế kỉ III đến thế kỉ V, nhưng mốc hình thành

văn học viết của Nhật Bản phải tính từ thời kì Cổ đại, thời kì Nara (710–792), những tác phẩm văn học Nhật Bản đầu tiên có thể kể đến là cuốn sách lịch sử Kojiki và Nihonshoki. Thời kì này cũng có sự xuất hiện của các tập thơ Kaifuso, tập dư địa chí Fudoki được viết bằng chữ Hán. Dấu ấn văn học thời kì Nara phải kể đến sự ra đời của chữ Manyogana – một loại chữ mượn chữ Hán để mô phỏng âm tiếng Nhật. Một tác phẩm thơ đồ sộ của thời kì này là tác phẩm *Manyoshu* (~760) gồm 20 cuốn thơ với hơn 4.500 bài thơ có thể thơ niêm luật quy định khá rõ ràng. Nội dung tập thơ phong phú gần gũi với tâm tư tình cảm, đời sống thường ngày của người dân thời bấy giờ.

Văn học thời kì Trung cổ, thời kì Heian (792–1192) có thể được đánh giá là giai đoạn rực rỡ của văn học Nhật Bản. Thời kì này có sự ảnh hưởng thơ văn nhà Đường Trung Quốc giai đoạn đầu với nhiều những tập thơ chữ Hán nhưng sau đó bước sang giai đoạn khởi sắc của văn học Nhật Bản với hàng loạt tác phẩm của tác giả nữ thuộc dòng văn học nữ lưu cung đình. Với sự ra đời của chữ Hiragana – hệ thống chữ viết do những người phụ nữ tự chế ra, tiền đề của chữ viết ngày nay, rất nhiều tác phẩm thuộc các thể loại như nhật kí, tuỳ bút, tiểu thuyết, truyện lịch sử đã ra đời nhằm lưu giữ tâm tư tình cảm của giới quý tộc lúc bấy giờ. Thời kì này cũng được cho là thời kì định hình những mĩ cảm nghệ thuật như cảm thức vẻ đẹp u buồn Aware và cảm thức vẻ đẹp thú vị Okashi.

Bên cạnh các tác phẩm thơ chữ Hán tiêu biểu như: *Ryounshu, Bunka Shureishu, Keikoku shu* là các tác phẩm thuộc thể loại nhật kí như *Tosa nikki* (935), *Kagero nikki*, *Murasaki Shikibu Nikki*. Văn học thời kì này đã có những tác phẩm văn xuôi như: *Take tori monogatari, Ise monogatari*, *Genji monogatari*. Tác phẩm thuộc thể loại tuỳ bút đầu tiên là *Makura no shoshi*. Các tác giả tiêu biểu của văn học thời kì này có thể kể tới Murasaki Shikibu, Kinotsura Yuki và Seishonagon.

Dấu ấn đậm nét nhất của văn học thời kì Heian là tác phẩm truyện tiểu thuyết trường thiên và ra đời sớm nhất trên thế giới, tác phẩm *Genji monogatari*, 54 cuốn với khoảng 400 nhân vật khắc hoạ một cách chân thực về đời sống quý tộc thời kì Heian với cốt truyện sinh động và lôi cuốn.

Thời kì Trung đại (1192 – 1603) với bối cảnh lịch sử là thời kì chiến loạn, văn học thời kì này được cho là văn học của tầng lớp võ sĩ. Bên cạnh các thể loại tập thơ, truyện lịch sử, tùy bút đã bắt đầu có những tác phẩm phê bình văn học. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chiến tranh mà các văn học cũng không nở rộ như thời kì trước đó.

Bước vào giai đoạn Cận thế, thời kì Edo (1603 – 1868), khi chính quyền mạc phủ thiết lập chế độ bế quan toả cảng, văn hoá văn học Nhật Bản không những phát triển mà còn phát triển một cách độc đáo và mang dấu ấn riêng. Sự phát triển của kĩ thuật in ấn mộc bản, hàng

loạt càng làm cho văn học trở nên gần gũi phổ biến với người dân, văn học thời kì này được cho là văn học của những người dân thành thị. Thời kì Edo nổi lên tác giả Ihara Saikaku với các tác phẩm truyện phù thế, khắc hoạ chân thực đời sống của tầng lớp thị dân với những tâm tư, nhục cảm đời thường. Về hình thức thơ, không thể không nhắc đến sự ra đời của thể thơ ngắn nhất thế giới – thơ haiku và tác giả tiêu biểu là Matsuo Basho. Cuộc đời của Matsuo Basho đã để lại cho kho tàng thơ haiku Nhật Bản rất nhiều những bài thơ cô đọng mà sâu lắng với vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, con người. Mảng kịch nghệ thời kì này cũng phát triển với nhiều kịch bản hay về cuộc sống, tác giả tiêu biểu là Chikamatsu Monzaemon với thể loại kịch Joruri.

Giai đoạn cận - hiện đại (1868 đến nay) cũng là một giai đoạn văn học Nhật Bản phong phú chưa từng có. Cho đến trước những năm 1945, do bối cảnh lịch sử văn học Nhật cũng sớm chịu ảnh hưởng văn học phương Tây (tác phẩm dịch, tác phẩm của các tác giả đi du học về từ các nước Anh, Pháp, Đức,…. Đây là thời kì đa dạng trường phái văn học (văn học tả thực, hoài cổ, lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa phản tự nhiên, văn học tư sản lí tưởng nhân đạo, văn học vô sản, văn học cảm giác mới, văn học nghệ thuật mới, chủ nghĩa tâm lí mới, văn học vị nghệ thuật, văn học chuyển hướng,…). Với sự đa dạng về thể loại tiểu thuyết, tiểu thuyết tự truyện, truyện ngắn, phê bình văn học, thơ mới, thơ haiku,… Trào lưu giữ gìn và trào lưu

cải cách thơ mới, phê bình thơ, thơ chủ đề phủ nhận xã hội, phản đối chiến tranh, thơ cá tính độc lập, đi tìm tự do tuyệt đối, thơ tanka, waka đổi mới theo hơi thở thời đại. Có thể kể tới các tác giả, tác phẩm tiêu biểu như *Ukigumo* (Futaba Teishimei), *Nigorie* và *Takekurabe* (Higuchi Ichiyo), *Futon* (Tayama Katai), *Hakai* (Shimazaki Toson), *Kokoro*, *Bocchan* (Natsume Soseiki), *Kumo no Ito*, *Rakushomon* (Akutagawa Ryunosuke),...

Từ 1945 đến nay, văn học Nhật Bản được cho là giai đoạn văn học đại chúng. Văn học hiện đại giải quyết những vấn đề mới do hoàn cảnh xã hội ngày càng phức tạp không ngừng sinh sôi, nảy nở. Nhà văn của thời đại mới sống trong một môi trường thông tin đại chúng nên văn học của họ dù muốn dù không cũng trở thành văn học đại chúng. Giai đoạn này phong phú về thể loại, đa dạng về chủ đề; mở rộng tầm quan sát ra bốn hướng: chính trị, tính dục, giao lưu với nước ngoài cũng như đề cập đến những vấn đề đã không thể đề cập tới trong chiến tranh. Cũng trong giai đoạn này văn học lí luận phê bình phát triển, và đa dạng về tiểu thuyết, truyện ngắn, ký, thơ mới, kịch hiện đại,…

Không thể không kể tới hai tác giả tiêu biểu được nhận giải Nobel lĩnh vực văn chương; đó là Kawabata Yasunari và Oekenzaburo. Ngoài ra, thời kì này còn có rất nhiều các nhà văn, nhà thơ tiêu biểu như Ibuse Masuji, Tanizaki Junichiro, Murakami Haruki, Murakami Ryu, Tanaka Yasuo, Yoshimoto Banana, Levy Hideo, Ishiguro Kazuo,…

Tóm lại, có thể nói rằng văn học Nhật Bản được xếp là một trong những nền văn học ra đời sớm và có bề dày lịch sử và nhiều dấu ấn về thể loại, tác giả, tác phẩm. Văn học Nhật Bản có tính kế thừa, cái mới bổ sung cho cái cũ, tạo thành giá trị thẩm mĩ khác biệt. Văn học Nhật Bản có những dấu ấn riêng mang đậm hơi thở thời đại. Văn học Nhật Bản với thế giới quan dù có chịu sự chi phối của nước ngoài nhưng vẫn bám chắc và giữ bản sắc riêng của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử. Văn học Nhật Bản hiện đại đang vượt khỏi ý thức hệ và hướng tầm nhìn ra thế giới.

2.1.2. Tình hình giảng dạy môn Văn học tại Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong Chương trình đào tạo Cử nhân Chất lượng cao theo Thông tư 23, ngành Ngôn ngữ và Văn hoá Nhật Bản có hai học phần Văn học, trong đó, học phần bắt buộc là học phần Văn học Nhật Bản 1 với nội dung lịch sử văn học và học phần tự chọn là Văn học Nhật Bản 2 với nội dung là trích giảng Văn học. Mỗi học phần bao gồm 3 tín chỉ, tương đương 45 tiết học. Tại nghiên cứu này, chúng tôi đề cập chủ yếu về học phần Văn học Nhật Bản 1.

Với thời lượng 15 tuần, mục tiêu môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử văn học Nhật Bản, đồng thời cũng cũng trang bị cho người học cái nhìn khái quát về lịch sử Nhật Bản. Môn

học cũng giúp người học nắm vững được các thời kì văn học, các tác giả, tác phẩm nổi tiếng của từng thời kì. Qua đó, môn học cũng cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử chữ viết tiếng Nhật, đời sống văn hoá tinh thần của người Nhật Bản qua các thời kỳ thông qua các tác phẩm văn học. Thông qua các hoạt động như nghe giảng, làm việc nhóm, tự tìm hiểu, phân tích các tài liệu, viết báo cáo, thảo luận và thuyết trình trước lớp về các vấn đề liên quan đến văn học Nhật Bản, môn học cũng rèn luyện cho sinh viên khả năng tìm hiểu, nghiên cứu và trình bày bằng tiếng Nhật một vấn đề liên quan đến Nhật Bản. Về kiểm tra đánh giá, môn học có nội dung đánh giá bao gồm: 1 bài kiểm tra kiến thức về lịch sử văn học liên quan đến tác giả, tác phẩm, đặc điểm văn học theo giai đoạn, 1 bài tập nhóm thuyết trình về một tác phẩm văn học cận hiện đại, 1 bài báo cáo cá nhân về một tác giả văn học.

Tuy nhiên, môn học Văn học 2 về nội dung trích giảng hiện nay là môn học tự chọn và vì cả yếu tố chủ quan và khách quan, môn học không còn được đưa vào giảng dạy. Trước tình hình đó đặt ra vấn đề, với sự quan trọng của tiếp cận văn học trong việc tìm hiểu văn hoá cần đổi mới như thế nào để môn Văn học Nhật Bản thu hút được sự quan tâm của người học cũng như cung cấp được nhiều kiến thức cần thiết, dễ hiểu và có giá trị thực tiễn trong thời lượng cho phép của môn học Văn học Nhật Bản 1.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát tình hình dạy và học môn Văn học Nhật Bản 1 năm học 2020–2021 đối với sinh viên và giáo viên của Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ kết quả thu được, chúng tôi phân tích, dựa trên tham khảo ý kiến của người học, đưa ra những nhìn nhận, luận bàn và đề xuất cụ thể trong việc tái xây dựng nội dung và phương pháp giảng dạy môn học.

2.2.1. Khảo sát điều tra

Với người học, chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát qua phiếu hỏi. Việc khảo sát được thực hiện qua 3 giai đoạn: 1) xây dựng phiếu hỏi; 2) khảo sát thử, tại giai đoạn này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi trực tiếp với 5 sinh viên để hoàn thiện phiếu hỏi; 3) tiến hành khảo sát thông qua google form và thu về 125 phiếu khảo sát từ 125 sinh viên khóa QH 2018 đã học môn Văn học Nhật Bản 1 năm học 2020–2021.

Phiếu hỏi gồm 21 câu hỏi, chia thành 5 nhóm vấn đề liên quan đến các nội dung như sau:

Nhóm câu hỏi số 1: Nhận thức của người học về tầm quan trọng của việc học Văn học;

Nhóm câu hỏi số 2: Đánh giá của người học mức độ hợp lí của nội dung, thời lượng môn học;

Nhóm câu hỏi số 3: Mức độ phù hợp của hình thức kiểm tra đánh giá môn học, khó khăn thuận lợi trong khi thực hiện bài kiểm tra đánh giá.

Nhóm câu hỏi số 4: Đánh giá về phương pháp giảng dạy của giáo viên, mức độ thú vị của môn học;

Nhóm câu hỏi số 5: Mức độ ủng hộ với một số đề xuất đổi mới môn học.

Với người dạy, vì có 1 giáo viên nên chúng tôi ghi nhận ý kiến về những thuận lợi và khó khăn và kì vọng của giáo viên đối với sinh viên trong quá trình giảng dạy.

2.2.2. Phân tích kết quả khảo sát

2.2.2.1. Phân tích kết quả khảo sát sinh viên

1) Kết quả khảo sát nhóm câu hỏi số 1

105 sinh viên (87,7%) cho rằng môn học là rất cần thiết hoặc cần thiết, 20 sinh viên (12,3%) cho rằng môn học là ít cần thiết, 0 sinh viên cho rằng không cần thiết

Nhưng khi được hỏi: "Văn học là tấm gương phản chiếu văn hoá, tìm hiểu văn học sẽ có thể giúp hiểu về con người trên nhiều bình diện nhân sinh quan" thì 124 sinh viên (99,2%) đồng ý với ý kiến, và 1 sinh viên (0,8%) phản đối nhận định trên.

2) Kết quả khảo sát nhóm câu hỏi số 2

Khi được hỏi chi tiết về nội dung kiến thức đã được học tại môn học, 124 sinh viên (99,2%) đồng ý, 1 sinh viên

(0,8%) với ý kiến: "Nội dung môn Lịch sử văn học được giảng dạy đã cung cấp những dấu ấn văn học trong quá trình lịch sử, sinh viên có thể hiểu cách chia giai đoạn văn học, bối cảnh lịch sử theo thời kì, ảnh hướng của lịch sử đến văn học, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, dấu ấn văn học theo thời kì". Nhưng khi được hỏi về mức độ cần thiết của nội dung môn học thì 114 sinh viên (84,7%) cho rằng những kiến thức đó rất cần thiết hoặc cần thiết và 19 sinh viên (15,3%) cho rằng nội dung là ít cần thiết.

Về thời lượng môn học, có 3 sinh viên (2,4%) cho rằng 15 tuần là quá nhiều với nội dung môn học, số còn lại cho rằng thời lượng là hợp lí và tương đối hợp lí.

Khi được hỏi: "Nếu trích giảng văn học không được bố trí trong chương trình đào tạo đại học thì có thấy cần thiết phải đưa nội dung Trích giảng văn học Nhật Bản không?" thì có tới 39 sinh viên (31,2%) cho rằng không cần thiết.

Và khi được hỏi ý kiến về "Thời lượng môn học nếu lồng ghép Trích giảng văn học vào với nội dung Lịch sử văn học học trong 15 tuần" thì có tới 65 sinh viên (52,4%) cho rằng không đủ và 59 sinh viên (47,6%) cho rằng đủ. Và khi được đề xuất: "Để có thể lồng ghép nội dung trích giảng văn học, sẽ yêu cầu sinh viên đọc ở nhà, làm dự án nhóm để tìm hiểu tác phẩm", thì có tới 118 sinh viên (94,3%) đồng ý và chỉ có 7 sinh viên (5,6%) phản đối.

3) Kết quả khảo sát nhóm câu hỏi số 3

Đối với hình thức kiểm tra đánh giá kiến thức về tác phẩm, tác giả, bối cảnh lịch sử, dấu ấn văn học các giai đoạn có 107 sinh viên (86,3%) nhận định hình thức hợp lí, số còn lại cho rằng không hoàn toàn hợp lí hoặc không hợp lí.

Về bài tập nhóm thuyết trình về một tác phẩm văn học cận hiện đại, 115 sinh viên (92%) cho rằng hợp lí, nhưng khi được hỏi về thuận lợi khó khăn khi làm bài tập này, nhiều sinh viên cho rằng việc lựa chọn tác phẩm nên để cho sinh viên thoải mái lựa chọn thay vì chỉ định lựa chọn những tác phẩm được nêu trong giáo trình, và muốn thay đổi hình thức thuyết trình để giờ học thú vị hơn.

Về bài báo cáo tìm hiểu về nhân sinh quan của một nhà văn Nhật Bản thông qua tác phẩm chỉ định, 85 sinh viên (68%) cho rằng hình thức này hợp lí, tuy nhiên, cũng có 40 sinh viên (32%) nhận định không hoàn toàn hợp lí và không hợp lí. Khi được hỏi khó khăn và thuận lợi khi làm báo cáo thì người học nêu ra những khó khăn như không tiếp cận văn bản gốc: 11 sinh viên (8,9%), không đọc được văn bản gốc vì khó: 67 sinh viên (46%), không tìm được tác phẩm dịch: 5 sinh viên (4%), khó tìm được tài liệu tham khảo: 36 sinh viên (29%), không thể lí giải nhân sinh quan của tác giả vì tác phẩm khó, văn phong tác giả lạ và khó cảm nhận, thời lượng 1 tuần cho thực hiện báo cáo quá ngắn, cũng có ý kiến tỏ sự lo

lắng tiêu chí chấm báo cáo chưa rõ ràng với một vấn đề trừu tượng, ranh giới giữa đúng và sai, thiếu và đủ của nội dung,… Tuy nhiên, cũng có 32 sinh viên (25,8%) nói rằng có thể tra cứu được tài liệu tham khảo, 60 sinh viên (48,4%) nghĩ rằng mình đã học hỏi được nhiều từ dạng bài này, cũng có ý kiến thích thú với dạng bài này vì được tra cứu tìm hiểu và viết nhận định.

Về đề xuất những hình thức bài tập dự án mới, có một số người học đề xuất như: làm các sản phẩm giới thiệu về một tác giả và tác phẩm của tác giả đó; chỉ cần giới thiệu khái quát về một tác phẩm tiêu biểu của một tác giả tiêu biểu trong một giai đoạn văn học thay vì đi tìm hiểu khía cạnh khó trong suy nghĩ của tác giả; được lựa chọn một trong nhiều tác phẩm gợi ý hơn để giới thiệu, chọn một tác phẩm phân tích đối chiếu với một tác phẩm văn học Việt Nam; đối chiếu đặc trưng văn học một giai đoạn của Nhật Bản với một giai đoạn văn học của Việt Nam,…

4) Kết quả khảo sát nhóm câu hỏi số 4

Khi được hỏi về mức độ thú vị của môn học, 68 sinh viên (54,4%) cảm thấy thú vị, 54 sinh viên (43,2%) cảm nhận bình thường và 3 sinh viên (2,4) chưa nhận thấy sự thú vị.

Về cách tiếp cận dạy môn học của giáo viên, 56 sinh viên (44,8%) cảm thấy thú vị, 57 sinh viên (45,6%)

cảm nhận bình thường và 12 sinh viên (9,6%) chưa nhận thấy sự thú vị.

5) Kết quả khảo sát nhóm câu hỏi số 5

Khảo sát đưa ra một số hoạt động nhóm trong lớp học như sân khấu hoá tác phẩm, đọc thơ giới thiệu tác giả và dịch tác phẩm thơ, làm giới thiệu tác giả tác phẩm tiêu biểu thì hầu hết nhận được xấp xỉ 75% ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cũng không phản đối. Khi được hỏi lí do không đồng ý, người học cho thấy tâm lí e sợ hoạt động nhóm mất thời gian.

2.2.2.2. Phân tích kết quả khảo sát giáo viên

Khảo sát giáo viên cho thấy, thời lượng 15 tuần của môn học vừa đủ cho nội dung Văn học sử. Về tinh thần học tập, còn một số sinh viên chưa thực sự hứng thú với môn học và không hiểu tầm quan trọng của học Văn học.

Về khó khăn, giáo viên gặp khó khăn trong việc triển khai các hoạt động nhóm trong lớp học vì số sinh viên trong một lớp đông. Nội dung kiến thức phần bối cảnh lịch sử tương đối nhiều và khó. Sinh viên gặp khó khăn khi đọc tên tác giả, tác phẩm vì lượng chữ Hán nhiều, kiến thức về tác phẩm, tác giả, bối cảnh văn học tương đối khó học. Ít có thời gian để lồng ghép trích giảng văn học vào nội dung dạy. Bài tập nhóm về thuyết trình tác phẩm văn học thời kì cận hiện đại, sinh viên

cũng chỉ phần nào giới thiệu về tác phẩm. Sinh viên cũng khó tiếp cận được văn bản gốc của các tác phẩm đương đại nên việc giới thiệu tác phẩm đương đại còn gặp khó khăn. Bài báo cáo hiện nay mới chỉ nằm việc sao chép lại dữ liệu tra cứu trên mạng chứ chưa có sự đào sâu, mày mò tác phẩm gốc của sinh viên. Khi được hỏi nguyên nhân, giáo viên cho rằng sinh viên còn thụ động chưa biết cách tìm tài liệu tham khảo.

Về thuận lợi, sinh viên đã được học phần lịch sử trong nội dung học môn tiên quyết là môn Đất nước học Nhật Bản 1 nên việc dạy kiến thức phần bối cảnh lịch sử tương đối dễ triển khai. Có thể dễ dàng tìm kiếm những video liên quan tới các thời kì lịch sử và văn học Nhật Bản ở mức độ khó trung bình có thể cho sinh viên tham khảo. Hiện nay, nhiều tác phẩm văn học của Nhật đã được dịch sang tiếng Việt, sinh viên có thể tiếp cận được với một số tác phẩm của tác giả nổi tiếng.

Về kì vọng của giáo viên với sinh viên, giáo viên cho rằng các dạng bài tập yêu cầu có vẻ cao nhưng thực tế mới chỉ yêu cầu sinh viên ở mức thu thập và tổng hợp dữ liệu ở mức độ đơn giản, không đòi hỏi cao. Với mục tiêu sinh viên có thể nắm bắt được cách phân chia giai đoạn văn học Nhật Bản, dấu ấn văn học theo giai đoạn cụ thể và có nhìn nhận về sự phong phú, đa dạng, có bề dày của Văn học Nhật Bản. Việc giới thiệu tác phẩm hay tìm hiểu về một tác giả tiêu biểu và phân tích tác phẩm mới chỉ dừng ở bước đầu tập cho sinh viên cách tra cứu

tìm hiểu một vấn đề, qua đó tăng thêm tình yêu đối với văn học và văn hoá Nhật Bản.

2.3. LUẬN BÀN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT ĐỔI MỚI GIẢNG DẠY MÔN HỌC

2.3.1. Một số vấn đề chung trong việc dạy - học

Phản hồi của người học cho thấy một bộ phận người học vẫn chưa nhận thức được vai trò của môn Văn học trong chương trình đào tạo nhưng khi được lí giải cặn kẽ về mối quan hệ giữa văn hoá và văn học thì người học đã nhận thức được điều này.

Kết quả phản hồi cũng cho thấy hơn nửa số người học còn có tâm lí ái ngại khi môn Văn học kéo dài hai học phần và sẽ khó có thể lựa chọn môn Trích giảng văn học. Phần đông người học nhận định được nội dung trích giảng là cần thiết và cũng đều ý thức được rằng Lịch sử văn học Nhật Bản nhiều kiến thức nên nếu muốn lồng ghép thì số đông người học đồng ý sẽ tăng cường việc tự học và làm bài tập nhóm để tự tìm hiểu tác phẩm.

Việc hình thức phát biểu bài tập nhóm liên quan đến nội dung giới thiệu tác phẩm còn hạn chế, chỉ định tác phẩm cũng phần nào làm người học chưa có động lực khi nghiên cứu.

Về kiểm tra đánh giá, với hình thức báo cáo, ngoài việc người học chưa đủ kiến thức ngôn ngữ để tiếp cận tác phẩm, người học còn thụ động trong việc tìm kiếm tài liệu tham khảo, không chủ động trong việc trau dồi kĩ năng phân tích tổng hợp và viết báo cáo.

Một số người học còn hoài nghi về tiêu chí chấm điểm báo cáo.

2.3.2. Một số đề xuất cho việc đổi mới dạy - học

Với những kết quả thu được từ khảo sát trên, có thể nói còn rất nhiều khó khăn trong triển khai môn học và thu hút sự quan tâm của người học. Hoạt động kiểm tra đánh giá còn tồn tại một số bất cập, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất như sau.

1) Để tăng động lực cho người học, ngay từ đầu khi hướng dẫn môn học, giáo viên cần làm rõ vai trò của Văn học trong việc tìm hiểu văn hoá. Ngoài ra, cũng cần giải thích cho người học hiểu rằng việc dạy bối cảnh lịch sử, bối cảnh văn học cũng như tác phẩm, tác giả, thể loại văn học là cách tiếp cận nhanh nhất khi đi tìm hiểu về một nền văn học có bề dày lịch sử và nhiều dấu ấn của văn học thế giới.

2) Trước sự khó khăn và thụ động của người học trong tìm kiếm và đọc tài liệu tham khảo khi làm bài tập nhóm và báo cáo, cần phải làm rõ vai trò của đọc và tìm hiểu tác phẩm cho người học từ sớm để họ nhận thức được vai trò của việc tự học, tự nghiên cứu tác phẩm. Giáo viên cũng cần hướng dẫn công cụ, phương tiện và cách thức tiếp cận tác phẩm để bớt đi phần nào khó khăn cho người học. Ngoài ra, cần chú ý tới thời gian thực hiện và cần hướng dẫn kĩ năng tìm kiếm tác phẩm gốc, tác phẩm dịch cũng như từ khóa (keyword) trong

tìm kiếm tài liệu tham khảo khác. Về hình thức bài tập thuyết trình nhóm, đa phần sinh viên hứng thú vơi một số đề xuất đổi mới hình thức bài tập được nêu ra ở nhóm câu hỏi số 6 nên có thể áp dụng những hình thức như sân khấu hoá tác phẩm, đọc thơ, nói về bối cảnh sáng tác cũng như dịch tác phẩm thơ.

3) Về tiêu chí đánh giá báo cáo, cần nêu tiêu chí chấm rõ ràng. Gợi ý các tiêu chí chấm với từng mục nội dung, hình thức, số lượng chữ, thời hạn hoàn thành, độ chính xác của ngôn ngữ viết,…

4) Môn Trích giảng văn học vì khách quan không còn được giảng dạy, để nội dung Trích giảng văn học vẫn đến với người học, có thể bố trí lồng ghép với Văn học Nhật Bản 1 mặc dù thời lượng và kiến thức văn học sử rất nhiều. Việc đưa hoạt động tìm hiểu tác phẩm thành bài tập nhóm cho sinh viên là giải pháp tối ưu.

5) Về việc lựa chọn tác phẩm để thuyết trình, nên để giới hạn lựa chọn tác phẩm được tự do hơn. Với báo cáo, chỉ nên chỉ định tác giả, còn cho người học tự do chọn lựa tác phẩm tác giả để báo cáo sẽ tăng động lực cho người học.

6) Về bản chất, Văn học là môn học thú vị, nhưng vẫn có những người học chưa có tâm lí sợ hoạt động nhóm nên để người học có thể cảm nhận được sự thú vị đòi hỏi nội dung, thời lượng môn học phải hợp lí, các hoạt động dạy học, lồng ghép tương tác và các hoạt

động tự nghiên cứu tìm hiểu có biên độ mở tự do cho người học được lựa chọn sẽ làm cho môn học dễ được tiếp cận hơn. Ngoài ra, với tâm lí e ngại của người học về việc mất thời gian cho hoạt động nhóm, cần phải cho người học nhận thức được vai trò của việc hoạt động nhóm trong việc phát triển kĩ năng, kiến thức và thái độ.

3. KẾT LUẬN

Để nâng cao vai trò của môn Văn học Nhật Bản, cần làm cho người học hiểu rõ văn học là một bộ phận không thể tách rời của văn hoá. Văn học Nhật Bản là kho tàng đồ sộ về tác phẩm, tác giả và thể loại cũng như có những dấu ấn đáng kể đến trong nền văn học thế giới. Việc học lịch sử văn học Nhật Bản sẽ giúp cho người học có cái nhìn bao quát về quá trình phát triển văn học theo chiều dài lịch sử, từ đó nắm bắt được gốc rễ của đời sống, tâm tư, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan của người Nhật. Việc môn học dễ tiếp cận hay không đòi hỏi chương trình có nội dung phù hợp cũng như các hoạt động dạy - học, kiểm tra đánh giá phù hợp có tính khích lệ sự tự do và sáng tạo của người học. Người học cũng cần hiểu rằng kiến thức tiếp nhận được không chỉ từ hoạt động nghe giảng mà còn được hình thành khi trải qua các hoạt động tự học, tự nghiên cứu và phối hợp nhóm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lê Nguyên Cẩn. *Tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hoá*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.

[2] Nhật Chiêu. *Văn học Nhật Bản từ khởi thuỷ đến 1868*. Nxb Giáo dục, 2014.

[3] Ngô Minh Thuỷ, Ngô Tự Lập. *Nhật Bản đất nước, con người, văn học*, Nxb Văn hoá - Thông tin, 2003.

[4] Nguyễn Nam Trân. *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*. Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.